

Bản án số:356/2019/HS-PT

Ngày: 27-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 317/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo **Lê Lưu B**. Do có kháng cáo của bị cáo **Lê Lưu B** đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Lưu B** (T), sinh năm 19XX; HKTT: Số XX, Ấp Phú T, xã Đồng P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L; Nơi cư trú: Số XX, đường X tháng X, phường X, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L; Nghề nghiệp: Thầu xây dựng; Trình độ học vấn: XX/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C, sinh năm 19XX (chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 19XX (chết); vợ tên Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 19XX (đã ly hôn); vợ 2 tên Nguyễn Lệ T, sinh năm 19XX và có 01 con, sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 07/3/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 18/6/2006. Chưa chấp hành nộp tiền án phí 50.000 đồng; Về nhân thân: Ngày 09/7/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 21/9/2003; Bắt tạm giam ngày 26/12/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M, mở hai gói thầu gồm công trình “Nạo vét tạo nguồn kết hợp bờ bao bờ tây kênh Tân Công Sính và Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Q”; Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M thông báo mời thầu công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Biết được thông tin mời thầu nên **Lê Lưu B** là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – xây dựng Quốc Thái, có trụ sở chính tại số H69 đường Đinh Tiên Hoàng, khóm X, phường X, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L gửi hồ sơ tham gia đấu thầu.

Theo quy định, hồ sơ dự thầu phải có chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng. Do muốn dự thầu hai công trình nêu trên, **Lê Lưu B** đã làm giả hai Chứng thư bảo lãnh dự thầu của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vĩnh L và Chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng để tham gia đấu thầu. Sau khi trúng thầu hai công trình, **Lê Lưu B** làm giả hai Chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh L để tạm ứng tiền từ Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M. Cách thức **Lê Lưu B** làm chứng thư giả là tự nhập văn bản trên máy vi tính rồi phô tô con dấu lên văn bản, còn chữ ký **Lê Lưu B** tự ký nháy.

Cụ thể: Hợp đồng nạo vét tạo nguồn kết hợp bờ bao bờ tây kênh Tân Công Sính (cầu đường thét - cụm dân cư) có giá hợp đồng là 2.693.720.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), **Lê Lưu B** tạm ứng số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và Hợp đồng xây dựng Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Q có giá hợp đồng là 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), **Lê Lưu B** tạm ứng số tiền 675.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền tạm ứng là 1.475.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng). **Lê Lưu B** không sử dụng số tiền tạm ứng của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M để chi phí vào việc thi công hai công trình mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân và thuê lại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng vận tải K Hùng, có trụ sở tại E3-61 đường số X, khu dân cư Phú A, phường Phú T, quận Cái R, thành phố Cần T do anh Lê Minh K, chức vụ Giám đốc làm đại diện và anh Lâm Thế T1, địa chỉ Khu dân cư Hoàng Quân, đường số X, phường Thường T, quận Cái R, thành phố Cần T thi công. Cụ thể là:

1. Công trình nạo vét tạo nguồn kết hợp bờ bao bờ tây kênh Tân Công Sính (cầu Đường Thét - cụm dân cư), công trình này chia làm 2 đoạn:

- Đoạn 1: Thi công được một phần khối lượng là chiều dài 1,5km; rộng 3,5m; sâu khoảng 27cm. Số tiền chi phí thi công là 183.442.862 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng). Anh Lâm Thế T1 thi công được số tiền là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng),

nhưng **Lê Lưu B** chỉ có thanh toán cho anh Lâm Thế **T1** được 51.470.000 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), **Lê Lưu B** còn nợ lại 25.530.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Trong khoảng thời gian anh **T1** thi công thì **Lê Lưu B** có mượn của anh **T1** 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). **Lê Lưu B** nợ anh **T1** tổng cộng là 55.530.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

- Đoạn 2: Thi công được một phần khối lượng là 628m; rộng 2,5m. Số tiền chi phí thi công là 354.067.854 đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng). Anh Lê Minh K chi phí số tiền thi công là 321.949.219 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm mười chín đồng), **Lê Lưu B** còn nợ chưa thanh toán cho anh K. **Lê Lưu B** cho rằng anh K chỉ làm được 244.949.219 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm mười chín đồng), do trừ đi số tiền anh **T1** đã làm được 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

Ngoài khối lượng nêu trên anh K có đào thêm một đoạn 2km, ngang 3,5m, sâu 0,5m thành tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nhưng chưa được nghiệm thu. Đoạn này **Lê Lưu B** chỉ thừa nhận 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Trong thời gian thi công, **Lê Lưu B** có hỏi mượn của K 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), mượn 2 lần, cụ thể như sau: lần thứ 1 là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) chuyển khoản; lần thứ hai mượn 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) không có biên nhận. **Lê Lưu B** thừa nhận chỉ mượn 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

2. Công trình xây dựng Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Quý:

Lê Lưu B cũng thuê Lê Minh K thi công, anh K thi công đến ngày 10/10/2017 thì ngưng, do yêu cầu **Lê Lưu B** ký hợp đồng nhưng **Lê Lưu B** không ký, **Lê Lưu B** cũng không thanh toán tiền cho K. Công trình này Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M lập biên bản nghiệm thu với **Lê Lưu B**, tổng giá trị của công trình này làm được là 493.221.000 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng).

Ngày 12/8/2017, Lê Minh K có lập biên bản nghiệm thu với **Lê Lưu B** công trình này làm được tổng số tiền là 437.564.838 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi tám đồng). Nhưng qua làm việc thì Lê Minh K xác nhận công trình này cũng có **Lê Lưu B** thi công, riêng Lê Minh K làm được 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Do **Lê Lưu B** không trả tiền cho anh Lâm Thế **T1** và Lê Minh K nên anh **T1**, anh K không thi công công trình làm cho công trình kéo dài, trễ hạn. Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M chấm dứt hợp đồng với **Lê**

Lưu B và thuê nhà thầu khác thi công phần khối lượng công trình còn lại. Việc thi công đã hoàn thành đưa vào sử dụng sau đó.

Ngoài ra, **Lê Lưu B** có sử dụng số tiền tạm ứng của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M cát 02 lán trại để cho công nhân ở và chứa vật tư hết 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), cụ thể:

Lán trại thứ nhất (Công trình nạo vét tạo nguồn kết hợp bờ bao bờ tây kênh Tân Công Sính) cát tại nhà anh Phạm Văn Y thuộc ấp 2A, xã Hưng T, huyện Tháp M, diện tích $4m \times 6m = 24m^2$, mái tol, kẽm sóng vuông, đòn tay sắt, khung sắt tiền chế, vách tol kẽm đồ sắt, nền láng xi măng đệm gạch vỡ, trị giá 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng);

Lán trại thứ hai (Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Q) diện tích $4m \times 8m = 32m^2$, mái tol, kẽm sóng vuông, đòn tay sắt, khung sắt tiền chế, vách tol kẽm đồ sắt, nền đất, trị giá 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Anh Hoàng Đình C1 trong lúc thi công đã cát và đã thỏa thuận mua lại lán trại này của **Lê Lưu B** với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hiện anh Hoàng Đình C1 đã tháo dỡ lán trại đem về nhà tại ấp x, xã Mỹ H, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T.

Lê Lưu B mua vật tư để thi công công trình Trung tâm học tập cộng đồng xã Mỹ Q còn nợ chị Đoàn Thị Kim P, chủ doanh nghiệp vật liệu xây dựng Toại Phượng tại khóm X, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 55 ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Tháp M, kết luận:

Công trình Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Q có giá trị khối lượng thi công của công trình đến ngày 30/10/2017 là 493.221.000 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng);

Công trình nạo vét tạo nguồn kết hợp bờ bao bờ tây kênh Tân Công Sính có giá trị khối lượng thi công của công trình đến ngày 30/10/2017 là 416.958.000 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Tổng cộng 02 công trình là: 910.179.000 đồng (Chín trăm mười triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 243 ngày 27/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Chứng thư bảo lãnh dự thầu phát hành ngày 07/4/2017 và ngày 20/4/2017 có hình dấu tròn màu đỏ nội dung “NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CHI NHÁNH VĨNH L” không phải do Ngân hàng thương mại Cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vĩnh L đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 784 ngày 08/12/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: 02 (hai) chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng ngày 22/5/2017 và ngày 05/6/2017, có hình dấu tròn màu đỏ nội dung “Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Vĩnh L”

không phải do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh L đóng ra. 02 (hai) chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng ngày 05/6/2017 và ngày 15/6/2017, có hình dấu tròn màu đỏ nội dung “Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Vĩnh L” không phải do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh Long đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 29 ngày 18/6/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Tháp M, kết luận:

Lán trại (Công trình nạo vét tạo nguồn kết hợp bờ bao bờ tây kênh Tân Công Sính) có trị giá 29.880.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng);

Lán trại (Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Q) có trị giá 36.832.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Tổng cộng hai lán trại: 66.712.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Lê Lưu B nhận từ Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M số tiền là 1.475.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng), tổng khối lượng hai công trình **Lê Lưu B** đã thi công và thuê anh Lâm Thế **T1**, Lê Minh K thi công số tiền 976.891.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng), **Lê Lưu B** đã chiếm đoạt của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M 498.109.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng), đến nay chưa thanh toán lại.

Về trách nhiệm dân sự:

Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M yêu cầu **Lê Lưu B** khắc phục số tiền 564.821.000 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng), không chấp nhận khoảng tiền cất hai lán trại là 66.712.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng), vì theo hợp đồng thì khi nào xây dựng hoàn thành công trình thì mới cho thanh toán lán trại. **Lê Lưu B** đồng ý bồi thường, trong quá trình điều tra **Lê Lưu B** đã nộp khắc phục được số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) như đã nêu, còn lại 534.821.000 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) **Lê Lưu B** chưa bồi thường.

Chị Nguyễn Thị Mộng T2, là kế toán trưởng Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M, đã tự nguyện nộp lại cho Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất số tiền 534.821.000 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng). Chị T2 yêu cầu **Lê Lưu B** có trách nhiệm trả lại số tiền 534.821.000 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng).

Anh Lê Minh K, yêu cầu **Lê Lưu B** trả số tiền là 651.949.219 đồng (Sáu trăm năm mươi một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm mười chín đồng). **Lê Lưu B** thừa nhận chỉ nợ của anh K 399.949.219 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm mười chín đồng).

Anh Lâm Thế **T1**, yêu cầu **Lê Lưu B** trả số tiền là 55.530.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). **Lê Lưu B** đồng ý, nhưng chưa trả.

Bà Đoàn Thị Kim P, chủ doanh nghiệp vật liệu xây dựng Toại Phượng tại khóm X, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, yêu cầu **Lê Lưu B** trả 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền **Lê Lưu B** mua vật liệu xây dựng công trình Trung tâm học tập cộng đồng xã Mỹ Q. **Lê Lưu B** đồng ý nhưng chưa trả.

Quá trình điều tra, **Lê Lưu B** cho rằng do vật tư tăng như mua cát và cừ tràm là không có căn cứ chứng minh, qua xác minh tại thời điểm thi công vật tư không tăng, mặc khác **Lê Lưu B** cũng không xuất trình được hóa đơn chứng từ các vật tư nêu trên. Số tài sản mà **Lê Lưu B** bỏ lại ở các công trình như cát, xi măng, đá là không đáng kể, **Lê Lưu B** cũng không yêu cầu và cũng không có căn cứ để chứng minh xử lý.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp M đã tạm giữ:

- Tiền Việt Nam 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) do **Lê Lưu B** nộp khắc phục hậu quả;
- Tiền Việt Nam 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do **Lê Lưu B** bán lại lán trại Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Q cho anh Hoàng Đình C1;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng của **Lê Lưu B**.

Xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp M đã giao lại cho Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) do **Lê Lưu B** nộp khắc phục hậu quả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Lưu B** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Lê Lưu B** 10 (mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Lê Lưu B** 01 (một) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu, cơ quan tổ chức*”. Buộc bị cáo **Lê Lưu B** phải chấp hành là 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ tạm giữ ngày 28/12/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, bị cáo **Lê Lưu B** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo **Lê Lưu B** đã bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 10 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo **Lê Lưu B** phải chấp hành 11 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận bị cáo **Lê Lưu B** không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, không bào chữa bổ sung mà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Lưu B** đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự, người làm chứng cùng với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Bị cáo **Lê Lưu B** đã dùng thủ đoạn gian dối, làm giả hai Chứng thư bảo lãnh dự thầu của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vĩnh L và chứng thư bảo lãnh hợp đồng, chứng thư bảo lãnh tạm ứng tiền của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh L để tham gia đấu thầu thi công xây dựng Công trình nạo vét tạo nguồn kết hợp bờ bao bờ tây kênh Tân Công Sính và Công trình xây dựng Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Mỹ Q và nhận tiền từ 02 gói thầu với số tiền 1.475.000.000 đồng của chủ đầu tư Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M. Sau đó, bị cáo thuê lại anh Lâm Thế **T1** và anh Lê Minh K thi công công trình với số tiền 976.891.000 đồng, bị cáo đã chiếm đoạt của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tháp M số tiền 498.109.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo **Lê Lưu B** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động

chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Chỉ vì động cơ tư lợi, muốn nhanh chóng có được nhiều tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi như đã nêu trên. Khi thực hiện hành vi, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện và thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian. Chứng tỏ hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Lê Lưu B** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 10 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo **Lê Lưu B** phải chấp hành 11 năm tù là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết nào mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Lưu B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo **Lê Lưu B** là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Lê Lưu B**. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Lưu B** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Lưu B** 10 (mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Lưu B** 01 (một) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo **Lê Lưu B** phải chấp hành là 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2018.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo **Lê Lưu B** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện Tháp M;
- Chi cục THADS huyện Tháp M;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tháp M;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh